

DANH MỤC THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU (DANH MỤC LASA)

A. Mục đích sử dụng:

- Danh mục cung cấp cho Bác sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Dược sĩ nhận biết các thuốc nhìn giống nhau về hình thức, q
- Chống nhầm lẫn khi kê đơn, sử dụng, bảo quản thuốc thuốc tử trực

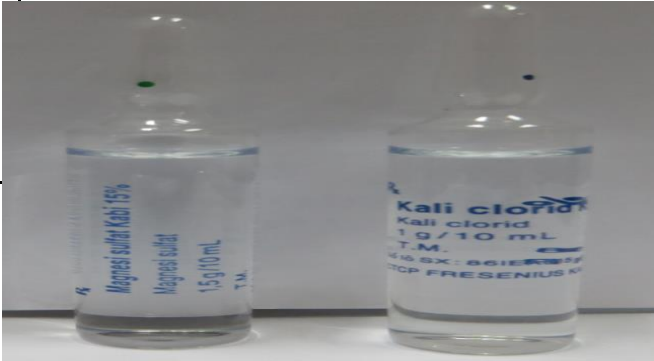


B. Yêu cầu: - Giao nhận, cấp phát: phải thực hiện nghiêm túc việc **kiểm tra, đối chiếu thuốc**



- Khi sử dụng thuốc phải thực hiện nguyên tắc "**5 đúng**"



C. Danh mục



NHỮNG THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU



STT	Biệt dược	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Hình ảnh
1	Progesterone	Progesterone	25mg/ml	Ống	
	Neostigmin bromide	Neostigmin bromide	0,5mg 1ml	Ống	



STT	Biệt dược	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Hình ảnh
2	Magnesium sulfat	Magnesium sulfat	15% 10ml	Ống	
	Kaliclorid	Kali clorid	10% 10ml	Ống	
3	Lidocain	Lidocain	40mg/2ml	Ống	
	Nikethamide Kabi	Nikethamide	0,25g	Ống	
	Dexamethason	Dexamethason	4mg/ml	Ống	
4	Primperan	Metoclopramid	10mg	Viên	
	Duphaston	Dydrogesteron	10mg	Viên	



STT	Biệt dược	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Hình ảnh
5	Glucose	Glucose	30%/5ml	Ống	
	Natri clorid	Natri clorid	10%/5ml	Ống	
6	Trichopol	Metronidazol	0,5% (5mg/ml)	Ống	
	Ciprofloxacin Polpharma	Ciprofloxacin	2mg/ml	Ống	

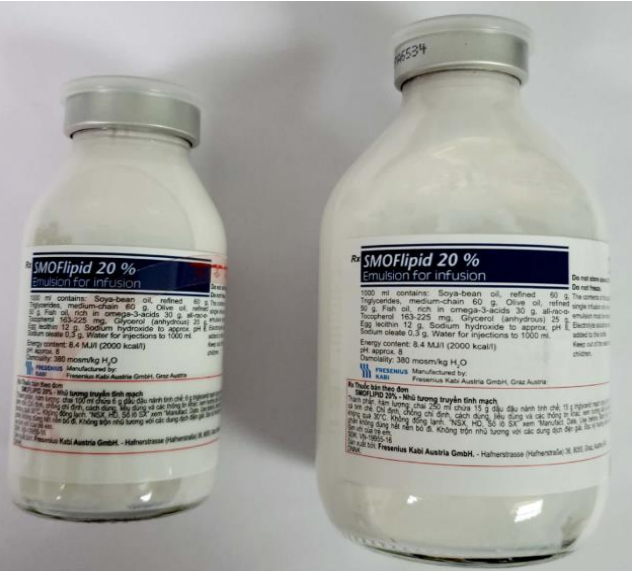

STT	Biệt dược	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Hình ảnh
7	Ama-power	Ampicillin + sulbactam	1000mg + 500mg	Ống	
	Axuka	Amoxicillin + Clavulanat	1000mg + 200mg	Ống	
8	Nước cất tiêm	Nước cất pha tiêm	10ml	Ống	
	Magnesium Sulfat Kabi 15%	Magnesium sulfat	1,5g/10ml	Ống	

STT	Biệt dược	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Hình ảnh
9	Chemacin	Amikacin	500mg	Ống	
	Acido transamin	Acid tranexamic	500mg	Ống	
10	Cerebrolysin 10ml	Tinh chất peptide từ não lợn	2152mg	Ống	
	Nicardipine	Nicardipine	10mg	Ống	

STT	Biệt dược	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Hình ảnh
11	Cefobid 1g	Cefoperazone	1g	Lọ	
	Sulperazone	Cefoperazone + Sulbactam	1g	Lọ	
12	Buscopan	Hyoscine-N-butylbromide	20 mg/mL	Ống	
	Oxytocin	Oxytocin	5 IU	Ống	

STT	Biệt dược	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Hình ảnh
13	Fentanyl	Fentanyl	0,1mg/2ml	Ống	
	Suxamethonium Chloride	Suxamethonium Chloride	100mg/2ml	Ống	
	Midazolam	Midazolam	5mg/ml	Ống	
14	Nước cất 500	Nước cất pha tiêm	500ml	Chai	
	Glucose 20%	Glucose	20%	Chai	

STT	Biệt dược	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Hình ảnh
15	Auclanityl	Amoxicillin + Clavulanat	875 mg + 125 mg	Viên	
	Curam	Amoxicillin + Clavulanat	875 mg + 125 mg	Viên	
	Cefuroxim	Cefuroxim	500mg	Viên	
16	Calci clorid	Calci clorid	500mg/5ml	Ống	
	Kali clorid 10%	Kali clorid	500mg/5ml	Ống	

STT	Biệt dược	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Hình ảnh
17	Smoflipid 100	Nhũ dịch lipid	100ml	Chai	
	Smoflipid 250	Nhũ dịch lipid	250ml	Chai	
18	Lipofundin 10%	Nhũ dịch lipid	10%	Chai	
	Lipofundin 20%	Nhũ dịch lipid	20%	Chai	

STT	Biệt dược	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Hình ảnh
19	Calci Clorid	Calci clorid	500mg/5ml	Ống	
	Acido transamin	Acid tranexamic	500mg	Ống	
20	Furosemide	Furosemide	20mg/2ml	Ống	
	Gentamicin	Gentamicin	80mg/2ml	Ống	

Ụ SẢN HÀ NỘI
ỢC

uy cách.

Ghi chú

Ổng tiêm chứa dung
dịch trong suốt, màu
cánh dán, nhãn bằng
giấy trắng, chữ màu
xanh, cùng hãng sản
xuất → Dán nhãn cảnh
báo trên khay đựng
thuốc.

Ghi chú

Ống thủy tinh trong suốt, chữ xanh, cùng hãng sản xuất → Dán nhãn cảnh báo trên khay đựng thuốc.

Ống bé chứa dung dịch không màu, chữ màu đỏ → Dán nhãn cảnh báo trên khay đựng thuốc.

Vỉ thuốc 20 viên màu trắng tương tự nhau → Dán nhãn cảnh báo trên vỉ thuốc

Ghi chú

Ống chứa dung dịch không màu, chữ màu xanh → Dán nhãn cảnh báo trên khay đựng thuốc.

Vỏ hộp thuốc giống nhau, chai chứa dung dịch không màu, chữ màu xanh giống nhau → Dán nhãn cảnh báo trên khay đựng thuốc.

Ghi chú

Vỏ lọ thuốc giống nhau, hình thức nhãn giống nhau và cùng dạng bột màu trắng → Dán nhãn cảnh báo trên khay đựng thuốc.

Ống thuốc thủy tinh giống nhau, hình thức nhãn và chữ màu xanh giống nhau, cùng dạng dung dịch màu trắng trong suốt → Dán nhãn cảnh báo trên khay đựng thuốc.

Ghi chú

Ống thuốc thủy tinh giống nhau, hình thức nhãn và chữ màu đen giống nhau, cùng dạng dung dịch màu trắng trong suốt → Dán nhãn cảnh báo trên khay đựng thuốc.

Ống thuốc thủy tinh màu nâu giống nhau, hình thức nhãn dán trên ống màu trắng giống nhau, cùng dạng dung dịch trong suốt → Dán nhãn cảnh báo trên khay đựng thuốc.

Ghi chú

Hộp trắng xanh. Cùng
hãng sản xuất → Dán
nhãn cảnh báo trên vỏ
hộp thuốc.

Ống thủy tinh giống
nhau, đều chứa dung
dịch trong suốt, nhãn
bằng giấy trắng → Dán
nhãn cảnh báo trên khay
đựng thuốc.

Ghi chú

Vỏ hộp thuốc màu xanh tương tự nhau, Vỏ hộp thuốc giống nhau, chai chứa dung dịch không màu, chữ màu xanh giống nhau, cùng hãng sản xuất → Dán nhãn cảnh báo trên vỏ hộp thuốc & khay đựng thuốc

Chai nhựa và dung dịch đều có màu trong suốt, thể tích dung dịch như nhau, nhãn màu trắng xanh. Cùng hãng sản xuất → Dán nhãn cảnh báo trên vỏ chai thuốc.

Ghi chú

Vỉ thuốc nhôm, viên
kích thước tương tự
nhau → Dán nhãn cảnh
báo trên vỉ thuốc

Ống thủy tinh trong suốt
giống nhau, chữ màu đỏ
→ Dán nhãn cảnh báo
trên khay đựng thuốc.

Ghi chú

Chai thuốc thủy tinh,
nắp chai màu trắng bạc,
nhãn màu tương tự nhau
→ Dán nhãn cảnh báo
trên chai thuốc.

Chai thuốc, hỗn dịch và
nhãn giống hệt nhau, chỉ
khác nồng độ 10% và
20% → Dán nhãn cảnh
báo trên chai thuốc.

Ghi chú

Ống thuốc thủy tinh
giống nhau, hình thức
nhãn và chữ màu đen
giống nhau, cùng dạng
dung dịch trong suốt →
Dán nhãn cảnh báo trên
khay đựng thuốc

Ống thuốc thủy tinh
giống nhau, hình thức
nhãn và chữ màu trắng
giống nhau, cùng dạng
dung dịch trong suốt →
Dán nhãn cảnh báo trên
khay đựng thuốc